

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HC-PT

Ngày: 15,16/05/2019

*V/v: Khiếu kiện Quyết định cưỡng chế
phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây
dựng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thu Hồng;**

Các thẩm phán:

1. Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc;**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thúy Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 15,16 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 17/2019/TLPT-HC ngày 16/01/2019 về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 01/09/2017 về việc: “Cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXX-PT ngày 10/04/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2018/QĐ-HPT ngày 26/04/2019.

Do bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận T, Hà Nội bị kháng cáo giữa:

Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976; HKTT: Tổ A, cụm B, phường T, quận T, Hà Nội; Địa chỉ: Cuối ngõ 76, cụm 1, phường T, quận T, Hà Nội; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Nguyễn Ngọc T, Công ty Luật TNHH N thuộc đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hà Nội, do ông Nguyễn Văn Q - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T là người đại diện theo pháp luật; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T-Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T (văn bản ủy quyền số 107/UBND-VP ngày 22/04/2019); Địa chỉ: Số 30, ngõ 124, A, phường T, quận T, Hà Nội. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường T, quận T; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Q – Chủ tịch UBND phường T; người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn T - Phó Chủ tịch UBND phường T (văn bản ủy quyền ngày 19/09/2018)

2. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1977 (chồng bà T).

3. Cháu Nguyễn Quang K, sinh năm 1997 (con ông H, bà T).

4. Cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 07/09/2000 (con ông H, bà T)

5. Cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 13/12/2009 (con ông H, bà T). Cháu Minh do ông H, bà T là người đại diện theo pháp luật: Cùng địa chỉ: Cuối ngõ 76, cụm 1, phường T, quận T, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, cháu P: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995, HKTT: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ: Số 17, ngõ 169 T, phường L, quận Đ, Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 15/10/2018).

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo người khởi kiện bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về nguồn gốc nhà đất gia đình bà bị cưỡng chế phá dỡ theo Quyết định số 99/QĐ-Chủ tịch UBND ngày 01/09/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Hà Nội: Toàn bộ diện tích đất tại Tổ A, cụm B, phường T, quận T, Hà Nội do bà T nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị G ngày 05/01/2009 với giá 120.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng có lập Giấy chuyển nhượng, do bà G viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương, không nêu cụ thể thửa đất, vị trí đất (đất do bà G là xã viên Hợp

tác xã nông nghiệp Liên Châu, phường T được giao theo khoán 10). Từ sau khi nhận chuyển nhượng bà T vẫn đưa tiền nhờ bà G nộp thuế hộ, đến năm 2011 không nộp nữa vì không ai thu.

Khi nhượng cho bà T thì phần diện tích đất này bà G đã quây bờ xung quanh, trên có 1 nhà tạm diện tích khoảng 60m² xây gạch, tường vách là gỗ tạp, mái lợp tôn. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng bà T cùng 3 con chuyển về đó ở. Quá trình ở, bà T có đến công an phường T khai báo tạm trú, đến năm 2014 gia đình bà được cấp sổ hộ khẩu. Hiện bà G và gia đình bà G ở đâu, còn sống hay không bà không biết. Khi giao dịch bà chỉ giao dịch với bà G.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất của bà G gia đình bà T đã tiến hành xây dựng, sửa lại nhà nhiều lần như xây thêm 1 nhà cấp 4 diện tích khoảng 56m², cải tạo, sửa chữa lại khu vệ sinh, khoan thêm giếng, xây mới bếp và nhà ăn, dùng lưới thép B40 quây xung quanh, dựng thêm 1 bức tường gá vào những chỗ bị nứt, trát lại tường nhà, lát nền gạch hoa, quét sơn, làm cổng sắt...đến năm 2014 thì không làm gì nữa. Quá trình xây dựng, sửa chữa không ai đến nhắc nhở, cấm đoán gì và cũng không xin phép về việc sửa chữa, xây dựng này.

Ngày 08/09/2017 UBND phường T đến cưỡng chế, phá dỡ nhà, bà T không được nhận bất cứ một văn bản, thông báo nào của UBND phường về việc phá dỡ. Từ sau khi bị phá dỡ do không có chỗ ở nên gia đình bà T dùng các vật liệu của nhà bị phá, mua thêm cột sắt dựng lại một nhà tạm và ở đó cho đến nay.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 99/QĐ-Chủ tịch UBND ngày 01/09/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Hà Nội; tuyên hành vi tổ chức cưỡng chế của Chủ tịch UBND phường T đối với gia đình bà T là trái pháp luật; Buộc Chủ tịch UBND phường T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà T gồm 03 gian nhà cấp 4, diện tích khoảng 136m² và các tài sản khác bị hủy hoại, tổng giá trị là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng). Ngoài ra bà T không còn yêu cầu nào khác nữa.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T do ông Lê Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/09/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Chủ tịch UBND) phường T, quận T, TP Hà Nội ban hành Quyết định số 99/QĐ-Chủ tịch UBND ngày 01/09/2017 của Chủ tịch UBND phường T (quyết định số 99) về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai đối với bà Nguyễn Thị T.

Ngày 08/09/2017 Chủ tịch UBND phường T tổ chức thi hành Quyết định số 99 cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai đối với bà T tại cuối ngõ 76, cụm 1, phường T, quận T, Hà Nội.

Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 99 và tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 99 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình cưỡng chế có lập biên bản, thông báo cho người bị cưỡng chế biết, việc cưỡng chế thực hiện theo kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 10/08/2017 đã được UBND quận T phê duyệt.

Đối với vị trí điểm đất theo nội dung đơn khởi kiện của bà T là lòng bờ Sông Hồng (khu Đặc 12, phường T), bản đồ đo vẽ hiện trạng năm 1994, thửa số 1, tờ bản đồ 18 ghi Sông Hồng, nằm trong khuôn viên đất có diện tích khoảng 830m², thuộc nhóm đất công, chưa sử dụng do UBND phường T quản lý theo Điều 49 Luật đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 80 Luật đất đai năm 2003, Điều 141 Luật đất đai 2013. Từ trước đến nay UBND phường chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào sử dụng do đây là vị trí lòng bờ Sông Hồng phục vụ thoát lũ khi mùa lũ lên.

Vị trí điểm đất trên ngày 09/04/2011 UBND phường T tổ chức kiểm tra, lập hồ sơ xử lý vi phạm đối với chủ vi phạm là ông Nguyễn Huy Vân có hành vi san lấp, chiếm đất công. Tổ công tác lập biên bản vi phạm hành chính, trên cơ sở đó, UBND quận T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định thu hồi đất. Ngày 02/7/2013 UBND phường T đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với ông V (bao gồm cả diện tích đất bà T khởi kiện). Sau khi cưỡng chế thu hồi có rào lưới B40 và tạm bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất và quản lý duy tu hạ tầng đô thị quận T (Trung tâm PTQĐ&QLDTHĐT quận T) quản lý. Ngày 20/7/2015 Trung tâm PTQĐ&QLDTHĐT quận T đã bàn giao lại khu đất trên cho UBND phường T. Quá trình quản lý một số cá nhân đã tự ý phá rào B40, dựng lều tạm, trồng chuối chiếm đất, UBND

phường đã nhiều lần tổ chức giải tỏa, tại buổi giải tỏa ngày 27/12/2016 có bà T đứng ra nhận một phần công trình vi phạm là của bà và chồng đối.

Ngày 21/08/2017 UBND phường T tiến hành kiểm tra hoạt động xây dựng tại khu vực cuối ngõ 76 A, phường T, lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T có hành vi xây dựng công trình chiếm đất lòng bờ Sông Hồng. Ngày 21/08/2017 UBND phường T ban hành Thông báo số 209/TB-UBND yêu cầu bà T tự tháo dỡ công trình vi phạm hành chính khắc phục hậu quả trước ngày 27/08/2017. Ngày 28/08/2017 tổ công tác tiến hành kiểm tra việc tháo dỡ của bà T, tiếp tục lập biên bản, yêu cầu bà T tự tháo dỡ. Do bà T không tự tháo dỡ và vi phạm đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính nên ngày 01/09/2017 Chủ tịch UBND phường T đã ban hành Quyết định số 99, Sau đó có giao cho bà T, bà T không nhận nên UBND phường đã niêm yết tại công trình vi phạm của bà T.

Ngày 06/09/2017 UBND phường T ban hành Thông báo số 222 tiếp tục yêu cầu bà T tháo dỡ công trình vi phạm, báo cho bà T biết nếu bà T không tự tháo dỡ, ngày 08/09/2017 UBND phường sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng cưỡng chế phá dỡ theo kế hoạch. Ngày 08/09/2017 Chủ tịch UBND phường T tổ chức thi hành Quyết định số 99, tại buổi cưỡng chế lực lượng chức năng đã dùng loa đọc thông báo cho các chủ vi phạm về QĐ cưỡng chế, yêu cầu các chủ vi phạm di dời tài sản, con người ra khỏi khu vực cưỡng chế để lực lượng chức năng tiến hành tháo dỡ trả lại nguyên trạng. Các chủ vi phạm đều chấp hành, riêng bà T chống đối quyết liệt, không di chuyển người, tài sản ra khỏi khu vực cưỡng chế nên lực lượng chức năng phải phá khóa, kê biên tài sản có bên trong, đưa bà T cùng tài sản ra ngoài, tiến hành tháo dỡ lều lán. Sau đó đã bàn giao lại tài sản đã kê biên cho bà T, bà T biết nội dung trên nhưng không ký nhận.

Do vậy việc Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 99 và tổ chức thi hành Quyết định số 99 cưỡng chế đối với bà T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Các tài sản mà lực lượng cưỡng chế kê biên đã di chuyển ra ngoài, bà T đã nhận lại nên đề nghị bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: UBND phường T thống nhất với ý kiến của người bị kiện;

Cháu Huy thống nhất với ý kiến của bà T và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ông H, cháu P do chị Nguyễn Thị H đại diện trình bày: Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì UBND phường T phải ra QĐ yêu cầu phục hồi nguyên trạng đối với bà T nhưng UBND phường lại chỉ ra Thông báo chung chung. Diện tích đất bà T mua của bà G từ năm 2009, bà T và gia đình đã ở đó, đến năm 2014 đã được cấp sổ hộ khẩu. Năm 2017 UBND phường T mới ra Thông báo về việc vi phạm hành chính thì đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính. Nếu năm 2013 gia đình bà T bị thu hồi đất cùng thời điểm thu hồi đất của ông V và nếu gia đình bà T xây dựng thời điểm năm 2015 thì thời hiệu xử lý vi phạm hành chính vẫn còn, UBND phường phải lập biên bản vi phạm hành chính, sau đó ra QĐ xử lý vi phạm hành chính, ra QĐ yêu cầu phục hồi nguyên trạng, nếu bà T không thực hiện thì mới ra QĐ cưỡng chế, nhưng UBND phường T đã không thực hiện đúng quy trình này. Việc Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 99 áp dụng Nghị định 180 ngày 07/12/2007 để cưỡng chế đối với bà T vì xây dựng không phép là không đúng vì khoảng 10 năm trở về trước việc xây dựng nhà cấp 4 không phải xin phép, thời điểm ban hành QĐ 99 Nghị định 180 đã hết hiệu lực. Do vậy nhất trí với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T có quan điểm: Việc Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 99 và tổ chức cưỡng chế đối với bà T ngày 08/09/2017 đã vi phạm Điều 65,66,86 Luật xử lý vi phạm hành chính. Trước khi Chủ tịch UBND phường T tổ chức cưỡng chế thì bà T không nhận được bất cứ văn bản, thông báo nào của UBND phường T về việc cưỡng chế đó. Trước khi ban hành Quyết định số 99, Chủ tịch UBND phường T không ban hành QĐ xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định yêu cầu phục hồi nguyên trạng. Do đó Quyết định số 99 và việc tổ chức cưỡng chế của Chủ tịch UBND phường T ngày 8/09/2017 đối với bà T là không có căn cứ, không đúng trình tự quy định, bà T khởi kiện là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội đã quyết định Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đề nghị hủy Quyết định số 99/QĐ-Chủ tịch UBND ngày 01/09/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm xây dựng của Chủ tịch UBND phường T, quận T, Hà Nội đối với bà Nguyễn Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T tuyên hành vi của Chủ tịch UBND phường T, quận T, Hà Nội tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 99/QĐ-Chủ tịch UBND ngày 01/09/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm xây dựng đối với bà Nguyễn Thị T là trái pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bà Nguyễn Thị T đối với Chủ tịch UBND phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

Ngày 10/12/2018 bà T kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà T và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T với lý do như đã trình bày ở trên.

- Người bị kiện trình bày nội dung như đã nêu ở trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Về thời hiệu khởi kiện. Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử thấy:.

2.1. Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 99: Căn cứ biên bản bàn giao đất ngày 20/7/2015 giữa Trung tâm PTQĐ&QLDTHTĐT quận T bàn giao khu đất tại khu vực đặc 12 phường T (khu vực cuối ngõ 76, cụm 1, phường T) cho UBND phường T quản lý. Căn cứ Điều 141, 208 Luật đất đai năm 2013 (thuộc khoản 2 Điều 80, Điều 143 Luật đất đai năm 2003); điểm d khoản 2 Điều 86; khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chủ tịch UBND phường có thẩm quyền ban hành Quyết định cưỡng chế đối với cá nhân vi phạm không tự nguyện chấp hành yêu cầu biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Do vậy việc Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 99 là đúng thẩm quyền.

2.2. Về trình tự, thủ tục, hình thức ban hành Quyết định số 99: Trên cơ sở biên bản kiểm tra hoạt động xây dựng số 02132/BB-KTHĐXD ngày 21/08/2017, tổ công tác phường T đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T có hành vi xây dựng công trình chiếm đất công thuộc lòng bờ Sông Hồng. Ngày 21/08/2017 UBND phường T ban hành Thông báo số 209 yêu cầu bà T phải tự tháo dỡ công trình vi phạm trước ngày 27/08/2017. Ngày 28/08/2017 UBND phường tiếp tục kiểm tra việc tự tháo dỡ công trình vi phạm của bà T, ghi nhận bà T không tự tháo dỡ công trình. Do vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65, khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính nên ngày 01/09/2017 Chủ tịch UBND phường T đã ban hành Quyết định số 99 cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm của bà T là thực hiện đúng trình tự, thủ tục, hình thức quy định tại khoản 1 Điều 38; Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 3, 5, 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2.3. Về nội dung Quyết định số 99: Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng không phép trên đất lòng bờ Sông Hồng của bà T tại khu vực cuối ngõ 76 A, phường T, đất do UBND phường quản lý.

Xét về nguồn gốc diện tích đất: Theo bà T, đất do bà nhận chuyển nhượng của bà G có giấy tờ mua bán viết tay, sau khi mua bà đã chuyển về đó ở và đã được cấp sổ hộ khẩu, bà T xuất trình giấy chuyển nhượng quyền sử dụng hoa màu ngày 5/01/2009; biên lai thu thuế nhà, đất số 0022400 và sổ hộ khẩu số 241550873.

HĐXX xét thấy, giấy chuyển nhượng quyền sử dụng hoa màu ngày 5/01/2009 do bà T xuất trình có nội dung: *tôi là Trần Thị G xã viên đội 3 HTX N² Liên Châu, phường T có thửa đất ở vùng 11 do HTX NN Liên Châu giao theo khoán 10 từ 1980 để SX N² nay tuổi cao sức yếu tôi chuyển quyền sử dụng toàn bộ hoa màu hiện tại trên thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị T..... Kể từ ngày hôm nay bà T có toàn quyền sử dụng và sản xuất hoa màu trên thửa đất nói trên...* giấy chuyển nhượng không nêu nội dung chuyển quyền sử dụng đất như bà T khai, không có xác nhận của chính quyền địa phương, không nêu địa chỉ, xác định vị trí đất. Đối với biên lai thu thuế nhà, đất số 0022400 do bà T giao nộp có đóng dấu của UBND phường Y. Nội dung này, UBND phường Y cung cấp: Liên gốc biên lai thu thuế nhà, đất số 0022400 mang tên người nộp Nguyễn Thị Tý (không có tên Trần Thị G). Diện tích đất Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 99 và tổ chức cưỡng chế thuộc phường T, không thuộc phường Y.

Đối với sổ hộ khẩu số 241550873 do bà T giao nộp thể hiện chủ hộ Nguyễn Quang H (nhập nhờ). Công an phường T cung cấp: Hộ khẩu gia đình bà T không cùng với địa chỉ cuối ngõ 76 A, T, Tây Hồ.

Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp Liên Châu cung cấp: Diện tích đất hiện bà T đang khởi kiện trước đây được gọi là Đạc 12, phường T là đất nông nghiệp do HTX quản lý, HTX không giao cho bất kỳ một xã viên nào, bà Trần Thị G không được giao diện tích đất này, trong sổ theo dõi của HTX cũng không thể hiện có tên bà Trần Thị G. Từ năm 2000 theo quy định của nhà nước thì toàn bộ đất nông nghiệp trước đây HTX quản lý được chuyển sang cho phường quản lý, hiện nay khu Đạc 12 cũng do UBND phường T quản lý.

Tại công văn số 213/TTPTQĐ ngày 31/10/2018 Trung tâm phát triển quỹ đất quận T cung cấp về nguồn gốc, quá trình quản lý và sử dụng diện tích đất tại địa chỉ cuối ngõ 76, cụm 1, phường T, quận T (khu Đạc 12, phường T) thể hiện diện tích đất trên UBND quận T đã thu hồi, sau đó tạm bàn giao cho Trung tâm PTQĐ&QLDTHĐT quận T để quản lý, ngày 20/7/2015 Trung tâm đã bàn giao lại khu đất trên cho UBND phường T quản lý.

Như vậy các tài liệu trong hồ sơ thể hiện diện tích đất tại khu vực cuối ngõ 76 A, phường T, quận T do UBND phường T được giao quản lý là đất lòng bờ sông Hồng phục

vụ thoát lũ. Bà T có công trình xây dựng chiếm đất, UBND phường đã thông báo yêu cầu tự tháo dỡ, do bà T không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tự tháo dỡ công trình vi phạm và vi phạm đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 99 cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm của bà T là đúng quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (Nghị định số 102); Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tuy nhiên trường hợp này như phân tích ở trên, khi ban hành Quyết định phải căn cứ Nghị định số 102 nhưng Quyết định lại nêu căn cứ vào Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị là thiếu sót, Chủ tịch UBND phường T cần rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật. Mặc dù vậy về bản chất của Quyết định số 99 vẫn là xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng chiếm đất công nên nội dung Quyết định là đúng.

[3] Xem xét về hành vi của Chủ tịch UBND phường T tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 99:

HĐXX xét thấy, ngày 01/09/2017 Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 99. Ngày 06/09/2017 UBND phường ban hành Thông báo số 222/TB-UBND tiếp tục yêu cầu bà T tháo dỡ công trình vi phạm, thông báo cho bà T ngày 08/09/2017 UBND phường T sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm. Ngày 08/09/2017 Chủ tịch UBND phường T tổ chức thi hành Quyết định số 99 cưỡng chế theo kế hoạch cưỡng chế số 174/KH-UBND ngày 10/08/2017 đã được UBND quận T phê duyệt. Khi cưỡng chế tổ công tác có thông báo, có lập biên bản cưỡng chế, thành phần tham gia theo quy định. Như vậy việc Chủ tịch UBND phường T tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm của bà T là thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 5, 6, 7 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Do vậy Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 99 và tổ chức thi hành Quyết định số 99 cưỡng chế đối với bà T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường Nhà nước. Do đó không có căn cứ để chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, cần bác các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T không xuất trình tài liệu nào khác để chứng minh làm thay đổi nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 244 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 141, 208 Luật đất đai năm 2013 (thuộc Điều 80, Điều 143 Luật đất đai năm 2003);

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 86,87,88 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Điều 5, 6, 33, 34 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận T, Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đề nghị hủy Quyết định số 99/QĐ-Chủ tịch UBND ngày 01/09/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm xây dựng của Chủ tịch UBND phường T, quận T, Hà Nội đối với bà Nguyễn Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T tuyên hành vi của Chủ tịch UBND phường T, quận T, Hà Nội tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 99/QĐ-Chủ tịch UBND ngày 01/09/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm xây dựng đối với bà Nguyễn Thị T là trái pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bà Nguyễn Thị T đối với Chủ tịch UBND phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06651 ngày 08/06/2018 và 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06825 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, bà T còn phải nộp 39.000.000 đồng (ba chín triệu đồng) án phí dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 05 năm 2019.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND quận T, thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

Bùi Thị Thu Hồng